

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con và cấp dưỡng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Ấp T, xã K, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Minh H có quen biết và tìm hiểu nhau thời gian ngắn thì được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tổ chức lễ cưới năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) ngày 13/6/2023. Sau khi cưới vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Trong quá trình chung sống, do tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không hạnh phúc đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông H được nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024 hiện nay đang sống với bà T. Trong thời gian sống ly thân, ông H ít tới lui thăm con, mọi chi tiêu sinh hoạt cho con đều do bà H lo. Thời gian nuôi con nhỏ, bà T phải nhờ sự hỗ trợ của cha, mẹ ruột. Hiện nay bà T mới đi làm công nhân ở B, thu nhập bình quân khoảng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng. Còn chi phí nuôi con mỗi tháng là trên 3.000.000 đồng.

Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Toà án giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh H. Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024 do con còn nhỏ và đang sống cùng bà T và cha, mẹ bà T. Yêu cầu ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Qua lời trình bày của bà T, ông H thống nhất. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quá trình chung sống bà T thường xuyên về nhà cha mẹ ruột, ông H có thể hiện sự không hài lòng và ngăn cản nhưng bà T vẫn đi và không chịu về nhà. Bà T đi về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Trước yêu cầu của bà T, ông H đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Đồng ý cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024. Ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng bản thân chưa phục hồi sức khỏe sau tai nạn giao thông, chưa thể lao động nặng do mới tai nạn hơn 02 tháng, trong khi công việc chính của ông H là làm phụ hồ. Trường hợp bà T không có khả năng nuôi con thì giao lại cho ông H nuôi, ông H nhờ cha mẹ ông hỗ trợ việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ quan điểm đã trình bày, bà T chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kết quả xác minh của Tòa án: Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng hiện tại như trình bày của bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hiện tại đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn. Về điều kiện nuôi con, bà T nuôi con nhỏ nên phải nhờ sự hỗ trợ của cha mẹ, mới đi làm công nhân thời gian ngắn, hiện cũng có thu nhập. Ông H không có nghề nghiệp ổn định, là lao động tự do

nghư làm phụ hồ, làm thuê. Cách đây vài tháng, ông H bị tai nạn giao thông, sức khỏe chưa ổn định nên thời điểm hiện tại chưa đi làm trở lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An ngày 13/6/2023 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu giải quyết ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà T, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà T và ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà T và ông H cho rằng vợ chồng không còn tình cảm và đã đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: Bà T và ông H có một con chung tên Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024 hiện đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được nuôi con chung. Ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tháng tuổi. Ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng ông bị tai nạn giao thông, sức khỏe chưa hồi phục, hiện không thể lao động nặng được nên không có nguồn thu nhập. Nhận thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng là có căn cứ. Mức cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu là thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức thu nhập tối thiểu vùng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim T về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh) ngày 13/6/2023 nên là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng giữa bà và ông H chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay nên khả năng hàn gắn không còn. Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024 hiện đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi, xét thấy việc thỏa thuận giao con chung cho bà T nuôi phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và quá trình hòa giải, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng từ khi Tòa án giải quyết ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu, giảm mức yêu cầu cấp dưỡng xuống 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu là quyền tự định đoạt của đương sự và nằm trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng bản thân bị tai nạn giao thông chưa phục hồi sức khỏe hoàn toàn, hiện chưa thể lao động nặng để có thu nhập. Nhận thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người cha, người mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên việc bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là yêu cầu chính đáng. Tuy nhiên về mức cấp dưỡng nuôi con cần xem xét ở mức độ phù hợp vì hiện nay ông H chưa thể đi làm và không có thu nhập ổn định, thường xuyên. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của bà T là thấp hơn $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng (hiện nay tháng lương tối thiểu vùng 4 là 3.450.000 đồng, $\frac{1}{2}$ là 1.725.000 đồng/tháng), căn cứ hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T là phù hợp.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có tài sản chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T, ông H phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim T về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” với ông Nguyễn Minh H.

1.1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Giao con chung tên Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 12/3/2024 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà T).

1.3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian cấp dưỡng với mức lãi suất 10%/năm (Theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Kim T phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 75.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0001188 ngày 18/7/2025 sang tiền án phí. H1 lại cho bà Trần Thị Kim T 225.000 đồng tiền án phí còn thừa.

Buộc ông Nguyễn Minh H phải chịu 375.000 đồng tiền án phí nộp ngân sách Nhà nước (gồm 75.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh